TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 200/2021/QĐST-HNGD	*Tân Bình, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Tuấn A; địa chỉ: Đường C, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T; địa chỉ: Đường C, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 177/P.12, Quyển số 01/2015 ngày 06/11/2015 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận B cấp thì ông Trần Tuấn A và bà Nguyễn Thị Thu T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận B. Bà T và ông A là vợ chồng hợp pháp. Bà T và ông A có nơi cư trú tại quận Tân Bình, do đó cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Tuấn A tự nguyện kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Bà T và ông A xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thái D, sinh ngày 30/4/2017; Trần Thái A1, sinh ngày 03/8/2019; các bên thỏa thuận cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông A cấp dưỡng mỗi trẻ 01 triệu đồng mỗi tháng. Thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có. Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* do bà T và ông A phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Tuấn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thái D, sinh ngày 30/4/2017; Trần Thái A1, sinh ngày 03/8/2019.

+ Ông A có trách nhiệm giao cả 02 trẻ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

+ Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho 01 triệu đồng mỗi tháng cho mỗi trẻ, tổng cộng 02 trẻ là 02 triệu đồng/tháng.

+ Bà T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông A đến thăm con chung.

+ Vì lợi ích của con chưa thành niên việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà T và ông A phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0039822 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Đương sự đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Phước Lý

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND Phường H, Q. B, Tp.HCM (GKH số 177/P.12 ngày 06/11/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;